

Tác Giả và Tác Phẩm

Hoàng Thái Sơn

Tiểu sử

Sinh năm 1944 tại Tuyên Hóa, Quảng Bình. Hiện đang ở Quảng Bình.

Tác phẩm

Nơi bắt đầu có gió, Màu nhiệm tháng ngày, Bình minh mù sương.



Mục Lục

Chuyện tình Phong Nha – 2
Chân dung Hồ Tôn Hiến - 6

Phụ đính :

Kể chuyện chiến trường
Mùi tiền

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Chuyện tình Phong Nha

Con gái Bến Cuồi quanh năm ngồi trên khung dệt cứ là trắng bóc từ ngón chân út trắng lên. Lần nào xuôi sông, tới Bến Cuồi, dân chày bè bọn Ba cũng cầu mong nước ngừng trôi để được ngắm bao nhiêu là đàn bà con gái tắm sông. Dưới làn nước trong veo, từng tấm thân trắng ngà trắng ngọc cứ dợn lên, còn những mái tóc dài, đen mượt bập bênh trên sóng lăn tăn...

Năm ấy, Ba mới ngoài ba mươi. Một lần bè anh từ nguồn về, qua Bến Cuồi gặp lúc trời âm u, mây đen vần vù. Ba tính chống bè đi cho nhanh kẻo mưa tới nơi, bỗng thỉnh linh từ trên một con dốc cao, một bóng người áo quần tung bay, lao vội xuống sông ngay trước mũi bè khiến anh hết hồn. Thoáng nghĩ, hay là ma ràng đóng vai mỹ nữ nhảy dọt trên ngọn cây mừng xuống dọa kẻ yếu bóng vía như lời đồn? Không phải. Ba nom rõ một người đàn bà. Thế rồi anh liền ném sào, lao theo. Lặn một hơi, anh túm được kẻ ấy. Vất vả lắm mới lôi được ả lên bờ, bởi đó là một kẻ quyết chết.

Bốn bè trên bến dưới sông tịnh không một bóng người. Thả mặc chiếc bè rê rấp trong cơn mưa ào ào trút xuống, Ba diu ả vô chòi, dốc cả lọ dầu nóng lên ngực, lên cổ, lên lưng ả trong khi mồm ả ộc ra từng bụm nước. Một lúc sau, ả hồi tỉnh, nhưng vẫn

như mạng lạc rừng. Ba lấy áo quần trong bọc ra bảo ả mặc tạm, giục mấy lần, ả mới lúng túng cởi chiếc áo ướt mềm khỏi người trong khi anh bỏ ra ngoài chống bè. Đẩy bè gỗ ra giữa dòng sông, Ba trở vào chòi, đã thấy ả ngồi dựa vách chài mớ tóc rối tung bằng mười đầu ngón tay. Mang tạm chiếc quần đùi của Ba, hai bắp vế của ả phơi ra tròn như cột chuối bóc nõn. Nhất định có lần Ba đã từng ngắm ả tắm sông với cái khổ vắn lưng trĩu rốn và bộ ngực bè bọn. Nhưng trời cho cái này, lại đang tâm lấy đi cái khác: Khuôn mặt ả đẹp thế, mà bà mẹ lại nở đắp vào bên má phải một vết nám đen sì, to như cả bàn tay!...

Mưa tạnh lúc nào. Chiếc bè cứ trôi. ả tên Nguyệt.
Câu đầu tiên Nguyệt hỏi Ba là vì sao lại cứu ả.

- Vì sao... không mặc kệ tôi? - Giọng Nguyệt tức bực, hỏn hển - Có ai khiến anh cứu tôi! Đòi tôi... khổ hơn... con chó! Sống làm chi nữa kiếp này!...

Chính Ba cũng thầm hỏi mình câu ấy; rất lâu về sau, cái câu hỏi ấy vẫn hiện về lục vấn anh: Tại sao lúc ấy ta không quẳng ả lên bờ, thậm chí mặc ả chết trương cho cá rĩa? Trước khi rời rừng thiêng đưa bè về xuôi, ta đã cúng đủ chur vị thần mong chuyển đi trót lọt, không gặp ma quỷ, không để mọi thứ ứ tấp dọc đường vương vào; thế mà ta lại đi lôi một đứa đàn bà chết trôi lên đóng gia tài của mình!... Nhưng Ba vẫn yên lòng, bởi đã chia nửa cuộc đời mình cho người hoạn nạn...

Ba lựa lời khuyên giải, rằng người sống đông vàng, rằng một ngày trần gian nghìn năm âm phủ, rằng chết dễ lắm, sống mới khó... Nguyệt lắc đầu, mái tóc đen, lượn sóng trên đôi vai mịn trắng đỏ bầm từng vết móng tay cào cấu:

- Không! Khô... ông! Cha mẹ chết cả rồi... Anh em không còn ai? Trời bắt tội riêng thân tôi... Trời không thương, người đời cũng coi khinh!... Vậy còn sống làm chi?

Ba lại khuyên răn, còn Nguyệt vẫn khăng khăng một bè, cuối cùng anh phải nổi xung:

- Vậy là vẫn muốn chết? Sông Sơn sâu lắm, chết nơi nào chẳng được. Nhưng tôi đã trót vót cô

lên tại Bến Cuối, giờ tôi sẽ chống bè ngược nơi ấy, để cô nhảy xuống đó, nghe chưa!

Nghe thế, Nguyệt bỗng rùng mình, ôm mặt khóc nức:

- ĐỪNG! ĐỪNG bắt tôi trở lại Bến Cuối!... Thà chết ở đây. Tôi đã quyết khuất mặt khỏi chốn địa ngục ấy, đừng bắt tôi quay trở lại!...

Sợ hãi, Nguyệt nhắm nghiền mắt, rồi ngã vào Ba, người mềm rã. Đợi Nguyệt khóc chán chê, anh mới hỏi lý do vì sao không muốn làm người nữa. Và người đàn bà đau đớn kể anh nghe tung tích của mình.

Quê Nguyệt, một làng rừng ven sông Sơn, nơi nổi tiếng với nghề chẵn tằm, dệt tơ, dệt dũi. Cả một vùng thượng Phong Nha là mảnh đất cát giữ rất nhiều phong tục và hủ tục. Mười lăm tuổi, con gái đã về nhà chồng. Ai để quá tuổi trăng tròn là cứ thế ế cam ế chay. Nhà Nguyệt nghèo, cha mẹ chết sớm, anh em ly tán người một xứ, lại bị cái vết nám trên mặt nên chẳng ai ngó ngang, mãi tới năm hăm hai tuổi mới có chồng. Tưởng gặp may, nhưng mà rủi. Chồng Nguyệt đã một đời vợ, tuổi cũng gần nửa đời người. Khốn nạn hơn cả, là gã lấy vợ cốt để mà đánh chửi cho hạ hỏa những cơn say bò lê bò càng. Vừa đánh, gã vừa chửi. Gã lôi ông bà ông vải của vợ ra mà chửi, rằng mười đời nhà mi ăn ở thất đức, mới phải rặn ra mi với cái mặt nửa người nửa vượn! Gã chuyên nghề lái chó. Nhiều đêm gã dùng sợi dây dẫn chó thối hoác tròng vô cổ Nguyệt mà lôi, rồi rao nào đây có món cày bầy món cho không, nào cái giống chó chết khiến Nguyệt không còn dám cất mặt lên bởi mặc cảm xót xa, hèn kém!...

Làng rừng ấy có một tập tục rất lạ kỳ truyền lại từ xa xưa. Nếu cặp vợ chồng nào đang đứng trước tình cảnh sắp sửa "bể đôi", thì thân nhân hai bên phải làm một việc hiếm thấy trong thiên hạ. Dân gian vẫn cho rằng áo quần thường chứa trong đó tính khí, linh hồn, bệnh tật của chủ nhân. Người ta vẫn đưa áo quần người ốm đến thầy lang chẩn bệnh và kê đơn, bốc thuốc thay người, nhất là bệnh ma quỷ. Từ đó, người Bến Cuối cho rằng trong quần áo đôi vợ chồng kia chứa đầy những thói tật xấu xa làm nên cảnh nhà lục đục, cần phải tổng khử đi.

Thế rồi họ chọn mang hai bộ áo quần hai kẻ nọ ra sông giặt kỹ, với niềm tin nước sông Sơn chỉ chảy một chiều, mọi tội lỗi vì thế mà trôi đi không trở lại. Giặt kỹ sạch, rồi buộc hai anh chị mang vào người, ngồi bên nhau, đợi khô dần trong im lặng! Đó chính là thời gian cho những kẻ tội lỗi sám hối, đối diện với lương tâm rồi cùng nhau làm lại cuộc trăm năm. Tập tục ấy đã giúp nhiều đôi tròn kiếp bên nhau, song cũng là sợi dây oan trói buộc bao nhiêu kẻ đồng sàng dị mộng. Ai phá lệ, chỉ còn cách bỏ làng mà đi, hoặc tìm đến cái chết.

Vợ chồng Nguyệt đã ba lần mang đồ ướt ngồi lại bên nhau, nhưng gã lái chó vẫn chó má với vợ. Thế là Nguyệt quyết chí quyên sinh cho nước sông Sơn cuốn trôi mọi thứ và cuốn luôn theo cả kiếp người đau khổ!

- Chừ đi đâu?

Nguyệt rụt rè hỏi Ba câu đó mấy lần. Anh cũng chịu. Gió sông lồng lộng, nàng ngồi tựa liếp, tóc tung bay. Ba liếc ngó nàng, chợt nhận ra dù chưa biết đi đâu về đâu, nhưng đưa nàng từ trong tấm tối ra giữa chốn bao la ánh sáng cho nàng hít thở mọi trong lành căng lồng ngực cũng đã là việc làm cần thiết.

Cánh chày bè bọn Ba vốn người hạ bạn, thường dùng bè mảng bán tại chợ Ròng cách nhà nửa ngày đường. Chợ Ròng một tháng ba phiên bán mua đủ thứ thượng vàng hạ cám. Bọn họ phải đi bè làm sao để hôm trước ngày phiên, đã có thể neo bè ngoài bến chợ, sáng hôm sau khách tới mua. Hàng họ món này thất thường lắm. Có hôm bán xong ngay sau một cái đập tay, hôm phải neo bè lại khá lâu, gặp mưa gió có khi cả tuần. Bán xong hàng, mỗi anh một cách. Anh về nhà ngay nộp tiền cho vợ, anh la cà đây đó chơi bời ít bữa. Riêng Ba thất thường, cũng ham vui, nhưng ả vợ anh vốn loài hồ cái nên cũng khó.

Chạng vạng tối hôm đó, bè Ba vào bến chợ Ròng. Anh đẩy bè vô một nơi khuất, cố ý tránh xa đám đồng hương đồng nghiệp đang lần lượt vô bến. Để Nguyệt lại nhóm lửa thổi cơm, Ba lên quán chợ kiếm chút rượu và gặp mấy bạn hàng cũ. Bữa cơm dọn

ra với một cái bát, một cái đĩa sứt góc, một đôi đũa và một cái thìa vốn là đồ dùng của dân chày bè. Xới cơm cho Ba, Nguyệt nâng hai tay, bàn tay trắng hồng cả đời giờ Ba mới thấy. Bát cơm nguội ngắt trên manh chiếu trong khi anh chỉ nhâm nhi chén rượu, mắt hoa lên bởi ngọn lửa ấm áp từ con người nàng toát ra...

- Thích không? - Ba hỏi.

- Đồ nỡm! - Nàng nhieếc khéo anh, cười nheo mắt lá răm - Người ta thấy thì chết. Ai đòi không dừng...

- Sao lại không dừng? Trời xui đó mà.

- Hãi lắm! - Nàng cạy nôi, cạp đũa, má ửng lên, thẹn thùng.

Màn đêm buông xuống. Đầu núi trắng lên. Ba cầm theo chai rượu ra cuối bè gõ ngòi trong tiếng sóng vỗ ì oạp. Một con thuyền gác chèo, căng buồm từ hướng động Phong Nha đi tới mang theo giọng hò một cô gái: "Ơ hò.. ơ... chứ sông Son... rằng mà nước... lại cứ trong xanh?... Vì sao chàng hỡi... hãy nói tỏ... nói tỏ ngọn ngành... cho thiếp nghe... ơ hò... Thiếp nghe rồi... thì dầu thầy mẹ... có đan rọ thả bè... Thả bè... thì thiếp vẫn... tìm về chàng ơi... i... i...". Thuyền xa rồi, tiếng hò vẫn vọng lại da diết, khắc khoải...

Trong chòi, Nguyệt cũng không ngủ, cứ lục đục trên manh chiếu. Mảnh trăng nhạt thêch trên trời. Sương lạnh kéo tới khiến Ba khó bề chống chọi với đêm trường. Anh lần vô chòi. Mùi đàn bà sục lên khiến Ba không thể không ôm lấy tấm thân kia. Nàng để mặc anh lục lọi khắp nơi trên tấm thân tròn trịa của mình, nhưng hai bắp đùi cứ khư khư khép chặt lại, tuy nhiên Ba đâu phải tay vừa. Đến lúc nàng chịu chàng, thì trên bờ đã thấy chập chờn ánh lửa và có tiếng gà gáy le te Trong mờ mờ bóng ngày sắp ló dạng, Nguyệt nằm ngửa, manh áo úp lên mặt, để phơi cả thân hình đầy đặn Ba chưa từng chiêm ngắm. Anh ngồi xuống bên nàng, nhẹ tay lật manh áo ra. Nguyệt không khóc, nhưng nước mắt đầm đìa!...

Ba treo giá lên trời xanh để đuổi khéo hết khách thương đi, rồi cho bè ra neo lại giữa sông. Trên trời, dưới nước, ở giữa chỉ còn hai kẻ sống sót! Người đàn bà trong nàng được đánh thức như con gấu ra khỏi nơi trú đông khi mùa xuân ấm áp trở về. Ba tối mù trong mái tóc dày như mây xòa lên mặt đến ngạt thở. Anh vùng vẫy trong đám cháy nhưng lần ái ân mê mết, ù đặc mọi cảm giác, rã rời hết tứ chi trong khi nàng rúc đầu vô hốc nách anh mà hít thở rồi ngủ ngon lành, tin cậy...

Qua ngày thứ tư, Ba vẫn chưa biết nên thế nào. Bỏ Nguyệt lại mà đi khỏi đây ư? Đưa nhau đến

một nơi thật xa mà sống với nhau ư? Toàn chuyện hão. Đôi lần Nguyệt hé ra ý muốn xin với vợ anh được làm thê thiếp. Nàng nói câu đó vào một đêm anh gối tay nàng, nghe nàng thủ thỉ rằng nàng muốn sống chết bên anh, dù cơ cực đọa đầy!... Thật tội nghiệp. Đàn bà ai chịu chia chồng cho kẻ khác. Ba nghĩ mình ăn nằm vụng trộm với nàng thế này, biết đâu chuyện chẳng đã đến tai vợ ở quê? Mấy ngày qua, rất có thể tiếng tăm đã theo gió bay về tận làng Hạ rồi. Cách gì thì nội nhật hôm nay cũng phải phá tan cái tổ ấm trên bè gỗ rồi đi mỗi người một nẻo.

Thị tứ chợ Ròng sau ngày phiên vẫn rộn rịp trên bến dưới thuyền, kẻ qua người lại như mắc cửi. Không thể nhốt Nguyệt mãi trên bè, Ba đưa nàng lên bờ dạo mấy vòng, rồi sà vào một quán nước. Ngồi chưa ấm chỗ, thì nghe có tiếng chân rậm rịch. Té ra ả vợ của anh đã tới. ả xông thẳng vô quán, chỉ tay sất mặt Nguyệt:

- A! Đây rồi. Mả cha mả mẹ con để nhà mày! Phen này bà sẽ cho mày biết tay! - Túm lấy tóc Nguyệt, ả réo - Người làng mách ta một con mặt nám, một con đĩ rạc. Chính là mày! Bà thì bà bằm vằm mày ra rồi quăng xuống sông cho cá nó rửa!

Lôi Nguyệt ra khỏi quán, ả đánh, ả đấm, ả gào trong lúc nàng vẫn im lặng chịu đựng. Người ả gầy khảnh, chỉ gạt nhẹ một cái cũng đủ lặn kênh, nhưng Nguyệt biết phận mình nên chỉ tìm cách đỡ đòn, van khóc:

- Lạy chị tha cho em! Oan em quá! Em xin nói rõ sự tình!

- Tha này! Oan nữa này! - Vợ chàng Ba càng điên tiết - Sự với chả tình! Đồ thói thầy! Quân mèo mả gà đồng!...

Hàng phố hiểu sự kéo đến vòng trong vòng ngoài. Chẳng một ai thương kẻ bị nạn, lại còn lửa cháy đổ thêm dầu.

Nghe xúi giục, vợ chàng Ba càng điên máu, riết róng dè ngựa Nguyệt ra trên bãi rác để lột sạch áo xống cho hả máu ghen đang sôi sục trong lòng. Bí nước, Nguyệt phải đánh trả bằng cú tung chân đập mạnh khiến ả nọ bật ra sau, rồi cứ thế mà lăn, vừa lăn ả vừa tru tréo trong tiếng cười vỡ chợ của mọi người. Lợi dụng đang lúc lộn xộn, Nguyệt biến dạng nào không ai biết.

Ba mắt nàng từ đó!

Càng về già, lão Ba càng sầu não, buồn phiền. Người làng Hạ truyền nhau câu chuyện tình thuở trai của lão với một kẻ không rõ người hay ma, một mục đàn bà rừng Phong Nha độc vía đã ám vào lão, thu hết hồn cốt của lão, biến một tay buôn bè lạnh lợi, khỏe mạnh thành một thứ ngây ngô ngày ngày chạy theo sau đàn vịt. Mục vợ lão buộc chồng bỏ nghề chạy bè từ cái đận ấy, rồi giao cho lão một bầy vịt. Lão buồn không biết bao nhiêu là buồn! Lão luôn tự hỏi, không biết Nguyệt giờ ở đâu, làm gì, sống chết ra sao?... Nhiều đêm chớp bể mưa nguồn, lão ra đứng bên bờ sông nhìn lên Trường Sơn mịt mù thăm thẳm; và với lão, đâu cũng là Phong Nha, là Bến Cuồi, là chợ Ròng hết thấy! Bởi ở đó, lão có biết bao kỷ niệm buồn vui. Chính lão cũng nhớ người đàn bà qua cuộc đời mình như một vết sao băng ấy mới biết đích thực tình yêu là gì!...

Tóc lão bạc nhanh, lợp xợp về một bên bởi quen gối đầu nghiêng một phía, cái nhìn từ đó lão có thể ngó qua cửa sổ là trông thấy rừng núi mờ xa nhạt nhòa sương khói! Ngày nào lão Ba cũng ra bờ sông, rồi chết đuối giữa một chiều rất nhiều gió chướng. Bữa đó, sau khi đã say mèm, lão lừ khừ đi ra bờ sông, dang rộng hai tay, vừa tiến xuống nước, vừa hỏi:

- Đây có phải... sông Sơn? Có phải Bến... Cuối? Có phải đây là... chợ Rồng?... Hơ hơ!... Có người chết đuối à? Sao mà cứ... trương mắt ra... mà nhìn cả lũ vậy? Đồ chó! ĐỂ... đó cho ta! Ta... cứu!

Mọi lần lão vẫn ra sông một mình nên không ai để ý. Lúc bọn trẻ phát hiện thấy chạy báo, mọi người ra tới nơi thì lão đã chìm sâu xuống đáy nước, hai tay ôm ghì lấy một hòn đá! Năm đó, lão Ba vừa đúng tuổi "cổ lai hy"!

Kèn trống hai ngày một đêm rồi đưa tang. Nhưng lúc bọn khiêng đòn rồng vừa ghé vai vào chiếc quan tài sơn son, thì ngoài ngõ có một chiếc xe con xích đu. Bước xuống xe là một người đàn ông trạc ngoài ba mươi, theo sau có mấy cháu nhỏ. Anh vô nhà, trình bày rành rẽ mọi điều tựa một câu chuyện cổ tích. Thì ra đó chính là giọt máu rơi của lão Ba hơn ba mươi năm trước trên bến chợ Rồng cùng người đàn bà khốn nạn.

Sau trận đòn ghen đổ máu giữa chợ Rồng. Hạnh phúc vô biên với Nguyệt, là nàng đã mang thai. Rồi nàng sinh con, một thằng cu khỏe mạnh, hứa hẹn tương lai sẽ là một tay chèo giỏi giang trên dòng sông Sơn chảy xiết. Cũng có vài đám ngõ lời, nhưng vốn chim sợ cành cong, Nguyệt cứ ở thế nuôi con. Nàng đặt con tên Phong với nhiều ngụ ý. Thằng Phong càng lớn càng giống ông Ba như đúc... Bà Nguyệt kể hết mọi khúc nhôi đoạ trường cho con nghe, và dặn nếu bà đang sống, thì không được hở môi với bất kỳ ai, coi đó là một lời nguyện!...

Kỹ sư lâm sinh Hồ Phong (anh mang họ mẹ) là giám đốc khu di tích Phong Nha nổi tiếng thế giới. Anh đã tìm cách để được trông thấy ông Ba nhưng vẫn trung thành với lời nguyện của mẹ; tuy nhiên đã định bụng sẽ thừa với mẹ rồi công khai mọi chuyện một ngày nào đó, không ngờ ông Ba đã sớm ra người thiên cổ! Tuy không được gần gũi cha, nhưng vị giám đốc nọ vẫn thường xuyên theo dõi số phận của ông, bởi thế khi ông nằm xuống là anh có mặt ngay. Vậy là anh đã không còn giữ được lời mẹ dặn, bởi bà Nguyệt vẫn đang còn sống, rất khỏe mạnh.

Phong dẫn các con đến trước bàn thờ cha để thọ tang. Bà quả phụ người quá cố xé vải bịt khăn cho mấy cha con anh và rút nước mắt trong câu nói muộn màng:

- Tôi cũng có lỗi với mẹ anh! Nếu mẹ anh cho biết mọi sự sớm sớm, thì ông đâu đã vội ra đi thế này!

Đồng Hới, tháng 10-2004.

Chân dung Hồ Tôn Hiến

Tự Đức đọc xong cuốn Kim Vân Kiều Truyện, ném bệ xuống bàn khoanh tay ngồi im lặng. Lúc sau, nhà vua nhặt cuốn sách lên, đi ra cửa, lật giờ từng trang đem soi dưới ánh mặt trời, căng hết nhãn lực ra mà nhìn: Đằng sau những trang giấy kia rõ ràng là những khuôn mặt, những nụ cười và những giọt nước mắt... Quan đại thần Lý Quang Đăng rón rén đến đứng khoanh tay cúi đầu một bên Hoàng đế đã lâu mà ngài không biết. Hoàng đế vừa cho gọi Lý Quang Đăng đến chắc là để nhắc thêm về chuyện công cán Bắc Hà đã được truyền chỉ. Lý Quang Đăng đang nghĩ ngợi phòng khi vua có cần vặn gì thì nhanh chóng bồm lên. Tự Đức gập cuốn sách lại, đưa mắt nhìn viên cận thần đang cúi rạp phía trước, rồi cất giọng yếu ớt của một kẻ sức lực mỏng manh:

- Trẫm giao cho khanh việc này - Nhà vua chỉ vào cuốn Kim Vân Kiều Truyện - Khanh đã xem

cuốn này chưa? Về xem cho kỹ, rồi tìm người vẽ cho ta chân dung mấy nhân vật Thúy Kiều, Kim Trọng, Tú Bà và Hồ Tôn Hiến ở trong đó. Nội một tuần phải có, nghe chưa?

- Bẩm... - Quan đại thần họ Lý lúng túng - Thần tưởng được đi Bắc Hà dẹp bọn phản tặc vừa nổi lên ở mạn giáp Cầu Giấy chứ... bẩm...

Vua Tự Đức gật:

- Phải, nhưng giờ ta giao việc này cho Khanh, đi Bắc Hà có kẻ khác.

Lý Quang Đăng ngó cuốn sách, gãi tai:

- Tuân chỉ.

Tự Đức mỉm cười:

- Theo Khanh nên giao cho ai vẽ? Việc này ngoài họa sĩ Vĩnh Trác ra, cả nước Nam không ai làm nổi. Khanh thấy sao?

- Hoàng thượng vô cùng sáng suốt.

- Khanh khéo ngon ngọt với chú ấy để sớm xong việc. Thôi, cho lui.

Ra khỏi sân rồng, Lý Quang Đăng lắc đầu: Quái lạ, vì sao Hoàng thượng lại nảy ra cái ý xưa nay các bậc tiên đế không ai nghĩ tới này? Hôm kia Hoàng thượng còn giận dữ đòi quật trăm gậy hồn ma Nguyễn Du, thế mà giờ lại cho họa mặt mấy nhân mạng trong cuốn sách của y là nghĩa làm sao! Ôi, trời vừa trao cho vua ta nghiệp lớn chặn dân, lại còn bắt người làm một thi sĩ khiến con ma chữ nó ám vào đầu óc sinh mục mị mắt rồi. Bên Tàu từng có ông vua từ bỏ ngai vàng đi làm thợ mộc, lại có ông vua thích nghề mổ lợn, say mê đánh tiết canh chứ không ham ngôi thiên tử... Tại trời cả! Mãi nghĩ, Lý Quang Đăng va vào một viên lục sự, tỉnh hẳn lại, đôi mắt y sáng lên: Phen này tương kế tựu kế, ta phải kiểm soát chút đỉnh. Không, phải vợ bẩm, ta sẽ kê la liệt mọi khoản chi phí từ đi lại, ăn ở, ngựa xe phục dịch Vĩnh Trác rong ruổi khắp nơi để chọn người chọn cảnh họa hình; ta sẽ cho xuất ra ba vạn quan. Xưa nay, phạm việc gì nhà vua đã ưng là không hề có sợ hao của kho, thậm thủng công khổ bao giờ!...

Lòng tràn đầy dự vọng, Lý Quang Đăng đến ngay nhà họa sĩ Vĩnh Trác. Rất ít khi hắn có nhà, bởi ngày ngày hắn hay la cà chốn cao lầu tửu quán. Vĩnh Trác là người của Hoàng tộc, đậu tú tài rồi bỏ đèn sách, tính lười biếng, bỏ đi mấy nơi đều thả nhậm sở quay về chốn kinh thành với bầu rượu túi thơ, mê gái đẹp và tiếng ca, nhịp phách. Trong triều không ai ưa, nhưng không ai dám hé răng, ngược lại y hay giả say chửi bới, dọa dẫm khắp tam cung lục viện lấy tiền ném vào các chốn ăn chơi hoặc đem cho đám ăn mày lăn lóc ngoài bến Thương Bạc. Đã mấy lần bị Vĩnh Trác chửi khéo, Lý Quang Đăng tức lấm nhưng vẫn đành ngậm đắng làm ngọt, tìm cách làm thân. Vĩnh Trác rất được Tự Đức yêu chiều, ngoài cùng dòng tộc ra, cái chính, đó còn là một nhân tài. Nhiều bài thơ của nhà vua được bàn tay tài hoa của Vĩnh Trác thể hiện thành những tác phẩm thơ họa đẹp đến nỗi sứ thần nhà Thanh phải tấm tắc khen. Chân dung vương mẫu Từ Dũ và ngót trăm bà vợ của Tự Đức đều do một tay Vĩnh Trác vẽ cả...

Sau tuần trà, Lý Quang Đăng nói rõ chỉ ý của nhà vua cho Vĩnh Trác nghe. Vĩnh Trác gục gặc cái đầu bù xù một lúc, rồi hào hứng nói:

- Thật tuyệt! Đệ sẽ bắt tay làm ngay. Việc ni vừa ý đệ lắm. Huynh cứ yên tâm. Mà huynh ông đã

xem quyển thơ của họ Nguyễn chưa?

- Quyển ấy thậm hay - Lý Quang Đăng nói dối, vì có bao giờ y đọc sách - Chú đọc kỹ lại mà vẽ cho thật đẹp hầu Hoàng thượng chỉ tôn, chớ có qua loa. Mọi khoản ta sẽ lo đủ.

Lý Quang Đăng ghé tai Vĩnh Trác thì thào rồi cả hai cùng phá ra cười. Quan lớn ra về, còn lại một mình họa sĩ Vĩnh Trác, trong phòng ngổn ngang phẩm màu, lụa đoạn, giấy tiên và nơi nào cũng thơm phức mùi mực xạ. Vĩnh Trác uống cạn chén rượu, rồi trông ra vườn. Y đã đọc quyển thơ nhiều lần, thuộc nhiều đoạn, nhất là những đoạn nói về mấy nhân vật kia thì y thuộc lâu lâu, nhắm mắt lại cũng hình dung ra... Thật tiếc, y nghĩ, thiếu mất đại vương họ Từ. Tiên sư anh Từ Hải! Cánh chim bằng ấy mà sao không được họa chân dung? Nếu được, ta sẽ vẽ bộ râu trước, ta mê nhất cái nét râu hùm hàm én đầy khí phách của người. Ta sẽ vẽ tiếp cặp mắt sắc như mắt chim ưng, đôi mày ngài bay cánh hạc... Vĩnh Trác uống tiếp chén nữa, rồi run run, rồi ngất ngưỡng ngâm: Đội trời đạp đất chứ... ở đời... Chứ vai năm tấc... rộng... ư... thân mười... thước... cao ơ ơ. Xong đó, y thở dài, hẳn đang ngậm ngùi cho số phận bạc anh hùng uy vũ có thừa mà sa cơ, thua mẹo bần của kẻ hèn hạ. Không được vẽ chân dung Từ Hải, ta sẽ tập trung bút lực vào Hồ Tôn Hiến. Lòng ngưỡng mộ của ta với người anh hùng sẽ trút vào khuôn mặt kẻ xảo trá mưu mô trong bút pháp đối nghịch đầy tính so sánh. Phải lột tả chân tướng nhà người xứng đáng với ngọn bút của thi thánh họ Nguyễn Tiên Điền...

Nhưng trước hết phải xong chân dung mấy nhân vật kia. Bắt đầu từ Thúy Kiều. Nàng là người tài hoa mệnh bạc, yêu say đắm nhưng biết đặt chữ hiếu lên đầu, bị dày vò nhưng tuyệt sạch giá trong... Không thể đóng phòng mà vẽ. Họa thánh Ngô Đạo Tử xưa đi khắp nơi, thu vào mắt vạn gương mặt rồi mới về Lạc Dương ngồi vẽ bức họa "Ngũ thánh đồ" nổi tiếng. Chán ngấy đám phụ nữ hào nhoáng trong triều, Vĩnh Trác khoác áo ra đường, gọi xe ra khỏi thành, xuống Vĩ Dạ, nơi có một đại gia vốn là chỗ thân quen. Cô con gái đầu lòng của họ đẹp nghiêng nước nghiêng thành, nức tiếng tận Thăng Long. Đã có lần, Vĩnh Trác vẽ chân dung nàng và chính Tự Đức cũng khen... Chân dung Thúy Kiều vẽ trong có một ngày.

Với Kim Trọng cũng không khó. Bấy giờ đang có kỳ thi hội, Vĩnh Trác chộp ngay đám sĩ tử trai trẻ lều chõng vào trường thi mà phác thảo, cũng một đêm là xong.

Chân dung Tú Bà mất công hơn. Đám mù Tú mấy chốn ăn chơi bên Đập Đá chẳng ai sánh nổi mù Tú trong Kim Vân Kiều Truyện, toàn một lũ mặt mày nhợt nhạt, khôn ranh kiểu chuột nhất rình mỗi chữ đâu có cao tay ẩn như mù Tú Bà sai khiến được cả Mã Giám Sinh và Sở Khanh, buộc Kiều nhi giàu tự trọng vào vòng dây ái. Chỉ còn mù Nhạn "Ba vành" mới nổi, Vĩnh Trác nghe tiếng nhưng chưa gặp. Mù có biệt danh "Ba vành" là vì quan nha khắp chốn về kinh, dù keo kiệt vụn cổ chà ra máu đi nữa, cũng bị mù vét cạn hầu bao, nghe đâu, mù còn mỗi chài khiến mấy vị sư già phá giới. Vĩnh Trác tìm vào động tiên của mù, liền bị mù sấn tới, áp đôi vú sè vào vai nóng hổi, ấn xuống ghế. Mùi nước hoa Quế Ngọc làm y ngây ngất. Vĩnh Trác va chạm đã nhiều nhưng cú phủ đầu đầy ấn tượng ấy làm y choáng váng. Mù chúc rượu y, uốn lượn như con trăn, thu hết hồn vía y rồi lôi y vào phòng, buông rèm the xuống. Vĩnh Trác bị chinh phục hoàn toàn trước kỹ thuật cao cường và những ngón nghề độc đáo của mù. Sau đêm ấy, trong mắt Vĩnh Trác, khuôn mặt Tú Bà càng lúc càng rõ nét thần tượng kẻ bán phần buôn hương già cựa. Rồi một đêm thức nhẩn tàn canh, uống hết ba nậm rượu và một liễn dôi chó, Vĩnh Trác cho ra chân dung Tú Bà. Y treo bức hình lên tường. Đúng Tú Bà, y reo to, Nguyễn Du tiên sinh ơi, Tú Bà đây rồi...

Đại thần Lý Quang Đăng khen mãi ba bức chân dung vừa hoàn thành. Tài năng của Vĩnh Trác làm xúc động cả anh chàng võ biên này, thì Tự Đức hẳn sẽ phải hài lòng. Tự Đức từng vỗ ngực

cho rằng, trong thiên hạ có bốn bề chữ, thì riêng trẫm đã chiếm mất hai; cả đời không khen ai, nhưng chưa bao giờ chê chàng họa sĩ lắm tài nhiều tật này.

- Còn mấy hôm nữa, chú gắng xong chân dung quan ngài để dâng Hoàng thượng. Chắc chuyện này sẽ có thưởng lớn.

Họa sĩ Vĩnh Trác đang ngâm bút trong bát dấm để rửa cặn mực. Y không nói không rằng, mắt đầy tư lự. Y đã cố hình dung xem phải vẽ chân dung Hồ Tôn Hiến ra sao, nhưng thấy khó quá. Là “Phương diện quốc gia”, nhưng là kẻ lừa đảo vô lương, giết chồng người rồi ép duyên vợ người ngay trong đêm tang tóc, sau đó đẩy cho thổ quan! Nàng Kiều, một tâm hồn cao quý phải chấp nhận “Thân lươn bao quản lấm đầu”, nhưng cũng không thể chịu đựng nổi trước bao việc làm của y, cuối cùng phải gieo mình giữa dòng nước chảy xiết!

Vĩnh Trác quan sát đủ loại quan lại nhỏ to cao thấp khắp trong triều. Trong ai cũng rõ dáng hiền nhân quân tử, gương mặt nào cũng đẹp, mở mồm toàn nói tới trung quân ái quốc, tất cả đều là những bậc hộ dân quan vô cùng cao quý. Không thể có một Hồ Tôn Hiến trong triều đình toàn người yêu nước thương dân! Vĩnh Trác lại chui vào tận đề lao, dự mấy phiên đại hình xử bọn quan lại phản nghịch xem mặt mày ra sao. Cũng thất vọng, cũng toàn loại giá áo túi cơm, làm sao sánh tày Hồ Tôn Hiến!

Trên đời này không còn Hồ Tôn Hiến!

Lý Quang Đăng đã đọc qua quyển thơ của Nguyễn Du, thừa hiểu Hồ Tôn Hiến tuy là Tổng đốc trọng thần “kinh luân gồm tài” nhưng đó chỉ là cái áo, còn bên trong là quân bất hảo lòng lang dạ thú. Lẽ nào dám dâng lên Hoàng thượng đúng bản mặt Hồ công? Làm thế chẳng hóa ra đưa một tấm gương cho Tự Đức soi? Lãng Tự Đức hiện đang xây, tin báo ngày ngày gõ chèn, đá lờ làm chết và bị thương hàng chục nhân mạng, nhưng nhà vua vẫn làm ngơ, vẫn vui sướng cười thêm vợ rồi đưa nhau đi nghỉ ở Cửa Thuận! Từ ngày ở ngôi, dưới bàn tay Tự Đức xảy ra biết bao điều khuất tất nhưng nhà vua chỉ ưa nghe lời xiêm nịnh! Rõ ràng không thể tự đưa cổ vào tròng. Phải dâng lên Hoàng thượng bức chân dung một bậc hiền tài trị quốc bình thiên hạ.

Lý Quang Đăng đem trao đổi điều này với Vĩnh Trác, liền bị y gạt phắt: Nhất định Hồ Tôn Hiến phải là Hồ Tôn Hiến!

- Chết! - Lý Quang Đăng sợ hãi - Làm thế thì Hoàng thượng chém đầu chúng ta ngay!

Vĩnh Trác cười:

- Huynh nên nhớ không phải nhà vua Tự Đức mà là nhà thơ Tự Đức sai làm chân dung. Vậy nên làm theo ý huynh, có khi lại mất đầu!

Thật là tiến thoái lưỡng nan, cách nào rồi có khi cũng chết, chẳng biết ý nhà vua ra sao? Chưa lúc nào gặp trường hợp bất khả như thế này. Làm sao bây giờ? Quan lớn họ Lý lúng túng nói với Vĩnh Trác:

- Thôi thì trăm sự nhờ chú. Sau có hề hấn gì, chú chớ có đổ lỗi cho con trâu già này mà tội!

Vĩnh Trác được dịp dọa dẫm và nhiếc móc quan lớn họ Lý:

- Công tội phần huynh cả, chớ đâu tới phần đệ. Làm tướng chỉ lo bảo mệnh mà không biết hèn. Nếu không theo ý đệ, thì mặc kệ, đây đi uống rượu.

Vĩnh Trác bỏ đi. Lý Quang Đăng lật đật chạy theo níu áo lôi vào quán. Vĩnh Trác bắt Lý Quang Đăng hầu rượu, nhiech cho một trận nữa, cuối cùng mới bảo hãy yên tâm đi, nhà vua có đòi cái đội nón của huynh, thì đệ này xin đưa đầu ra chịu thay cho.

Lý Quang Đăng tạm yên lòng, phó mặc cho số phận. Chỉ còn mấy hôm nữa là phải dâng đủ bốn bức vẽ cho Hoàng thượng. Vấn đề lúc này là thời gian. Cách chi đây? Y bàn:

- Chốn kinh đô không có, thì thử ra Bắc Hà xem?

- Mong manh lắm - Vĩnh Trác lắc đầu - Đốt đuốc đi khắp nước Nam cũng không thể tìm thấy.

Nghe thế, Lý Quang Đăng cười khà khà:

- Thế mới biết nước ta vua sáng tôi hiền, khắp nơi ngõ chợ vùng quê đâu đâu cũng ầm no thanh bình khác gì thời Nghiêu Thuấn... đã vậy thì cứ vẽ phứa đi, cần gì người mẩu.

- Không được! Đệ không thể làm trái lương tâm. Vẽ con mèo lại bảo con hổ. Thà bỏ nghiệp còn hơn.

- Cấp thêm cho chú ba ngàn quan nữa.

- Ba lần ba ngàn cũng xin vái!

Lý Quang Đăng há mồm kinh ngạc rồi ra về. Sẩm tối, y lại đến. Vĩnh Trác đang ngủ. Khó khăn lắm y mới đánh thức được vị cứu tinh dậy.

- Định liệu thế nào? Chỉ còn mỗi một ngày mai.

- Đệ cũng định hỏi huynh đúng câu ấy.

- Nghĩa là vô phương?

- Phải, vô phương! Có qua Ai Lao hay Xiêm La may mới tìm thấy Hồ Tôn Hiến. Thiệt là đá biển mò kim! Huynh tìm ai vẽ thì tìm. Đệ này bắt lặc rồi!

Sau một hồi lưỡng lự, Lý Quang Đăng nói:

- Thôi, ngày mai chú tới chỗ ta. Mai ta đi công cán, chú vào phủ đường mà vẽ. Ta sẽ bố trí một kẻ mà những gì cần ở quan lớn họ Hồ đều hiện đủ trên gương mặt.

- Quan anh lôi mô ra rửa?

- Suyt! - Lý Quang Đăng thì thầm vào tai Vĩnh Trác - Đó là một viên tri huyện, mới triệu về chiều nay, một tay không vữa, ta đồ rằng mai kia không làm vua, thì hẳn cũng làm giặc, không phải loại người thường!

- Quan anh tài quá!

- Mai vào phủ sớm mà vẽ cho xong.

- Nhưng liệu có bảo đảm là một Hồ Tôn Hiến?
- Cái chú này! Yên bụng đi. Mà chớ có hỏi han người ấy câu nào.
- Có thiệt là còn có một Hồ Tôn Hiến trên đời này không?
- Uống đi - Lý Quang Đăng nâng chén - Uống mừng đi

Lòng đầy phân vân, họa sĩ Vĩnh Trác chập chờn thức ngủ suốt đêm mong được thấy khuôn mặt cắt để lại của Tổng đốc họ Hồ. Mới tờ mờ sáng, y đã chong đèn sửa soạn mọi thứ, ăn qua loa bát cháo, không kịp cả uống chén rượu, rồi ra đi. Cổng vào phủ đường đại quan Lý Quang Đăng khóa cứng, lơ lảo bên trong vài tên lính canh, ngó vào dưới hiên, cũng không thấy chiếc kiệu quen thuộc của quan lớn đâu. Chắc ngài đã đi từ rất sớm, quả là vô cùng cẩn thận. Vĩnh Trác chờ một lúc thì cổng mở. Mấy tên lính canh, hình như được báo trước, không hỏi han gì, cũng không lục soát gì, dẫn ngay Vĩnh Trác vào trong. Qua ba lần cửa, Vĩnh Trác đến đứng nơi làm việc hàng ngày của Lý Quang Đăng. Nơi này y đã tới vài lần, cũng lâu rồi, không ngờ nay đổi thay uy nghi đến thế. Y quan sát qua mọi thứ, rồi ngó vào sau cái bàn gỗ rộng bọc nhung đỏ. “Ồi, Hồ Tôn Hiến!”. Vĩnh Trác suýt kêu lên may không há mồm ra. Chưa ai thấy Hồ Tôn Hiến ra sao, nhưng con người này quả đúng là hẩn ta trong quyển thơ của Nguyễn Du.

Hồ Tôn Hiến - Từ giờ ta cứ cái tên ấy mà gọi - ngồi yên, hai bàn tay mập ú đặt trên bấp vế, đầu đội mũ cánh chuồn thép vàng, khuôn mặt to bè mà đen sì, đôi mắt gườm gườm mà trắng dã. Cả khuôn mặt toát lên hơi lạnh của âm khí. Trưng cái mặt này ra phố, là trẻ con sợ mất vía, là đàn bà có mang sẩy thai! Thật phúc cho nhà vua, cho trăm họ, giá dụ nước Nam có lấy dăm ba khuôn mặt này, thì xã tắc khó mà vững tựa âu vàng!

Vĩnh Trác mở be rượu tợp luôn hai chén, chùi mép rồi vào làm việc. Cảm hứng sáng tạo kéo đến xóa tan mọi băn khoăn kinh ngạc. Khuôn mặt người mẫu gây ấn tượng cực mạnh, Vĩnh Trác ra nét phác thảo nào là đúng y chang. Chưa bao giờ vẽ đạt và nhanh đến thế, cây bút cứ lòi y đi, dẫn dắt hồn y, làm chủ trái tim và khối óc y.

Một lúc sau, Vĩnh Trác kéo giá vẽ đến kê bên viên quan. Ngắm Hồ Tôn Hiến từ trên xuống dưới, chợt y giật mình đánh thót khi nhìn vào hai bàn tay và đáng chú ý hơn là vết sẹo dài trên mu bàn tay trái, nơi ngón áp út có chiếc nhẫn mặt ngọc khắc nổi chữ Thọ. Mùi hôi nách xông ra nồng nặc làm Vĩnh Trác phải chun mũi. Sửa xong nét vẽ nơi khố miệng, Vĩnh Trác lui ra, trong lòng chưa hết bàng hoàng!

Mấy bức chân dung khiến nhà vua rất vui. Ngài ngắm mãi, chưa bao giờ khen cái gì lâu, nhưng lần này ngài không tiếc lời vàng ban phát cho thầy trò quan đại thần họ Lý. Tụ Đức sai rót rượu quý ra mời. Lại còn thưởng cho họa sĩ Vĩnh Trác chiếc đồng hồ tròn như quả bưởi vốn là quà sinh nhật của một viên quan Pháp tặng ngài.

Hôm sau, người ta thấy họa sĩ Vĩnh Trác chân nam đá chân chiêu, một nách kè kè chai rượu, một nách kẹp cuốn Kim Vân Kiều Truyện đi về phía phủ đường quan đại thần họ Lý. Y ngồi bệt xuống vạt cỏ bên hàng ô rô ngoài cổng, đặt chai rượu xuống, thả cuốn sách xuống rồi uống, rồi ngâm nga đọc, rồi ngẩng mặt lên nhìn trời xanh mà cười. Vĩnh Trác ngồi như thế hai buổi chiều, sáng ngày thứ ba, y lại đến, tóc râu bời bời, khuôn mặt ba cạnh bóng nhẫy mồ hôi. Y đi thẳng vào phủ, không ai dám ngăn, rồi ngang nhiên giật cửa phòng Lý Quang Đăng. Trông thấy Vĩnh Trác, Lý Quang Đăng nghiêng đầu gật gật. Sự xuất hiện của Vĩnh Trác khiến quan đại thần chột dạ, rồi ngài bình tĩnh, cất giọng ồ ồ hỏi:

- Xin chào nhà danh họa. Chẳng hay có việc gì mà họa sĩ quá bộ tới đây?

Vĩnh Trác ngồi vào chiếc sập bên bức tường hoa, đặt chai đặt sách lên bàn. Lý Quang Đăng cảm thấy sự không thường, bèn rời ghế tới ngồi đối diện.

- Chú cất thứ rượu ấy đi! Tôi mời chú chai này.

Lý Quang Đăng lôi trong tủ ra một chai Champagne, rót ra hai ly màu hổ phách óng ánh. Y ngờ Vĩnh Trác đến đòi thêm tiền thưởng, bởi y chiếm đoạt gần hết khoản chi phí tự ý kê ra, bèn nhanh chóng đứng dậy lấy gói tiền đựng trong chiếc túi nhiễu ném cho Vĩnh Trác để đẩy đi cho rảnh.

- Huynh ông ơi! - Giọng Vĩnh Trác hơi bị nhòe - Mấy hôm rày, đệ này không ngủ. Huynh cho tiền ư? Đưa đây. Nhưng mà... có cái ni... đệ phải hỏi.

- Chi vậy? Chú có say không đấy?

- Say từ đầu năm tháng Giêng đến cuối năm tháng Chạp, nhưng mà chỉ say từ yết hầu trở xuống, còn từ cổ họng trở ngược thì lúc nào cũng tỉnh. Này huynh ông, hỏi thiệt, viên quan hôm kia ngồi cho đệ vẽ về quê rồi à? Hấn người xứ mô?

- ờ ờ... cho lui rồi. Có chuyện chi chẳng?

- Này huynh ông - Vĩnh Trác vớ chai rượu và rót đầy ly rồi cứ cảm thế mà nói, ly rượu sánh đồ sạch trơn - Nói thiệt là đệ này rất lấy làm lạ, cứ ngờ ngờ làm sao ấy...

- Ngờ ngờ làm sao?

- Là ở chỗ không lẽ lại chính là...

Lý Quang Đăng cả cười:

- Chú say rồi! Thôi để tôi cho người đưa chú về.

Vĩnh Trác làm như không nghe Lý Quang Đăng nói gì:

- Đệ hỏi thiệt. Tại làm sao đôi tay của huynh ông lại chính là đôi tay của viên tri huyện? - Y nhìn chăm chăm vào vết sẹo to dài trên mu bàn tay trái của quan họ Lý - Hôm nọ đệ nhìn đúng đôi bàn tay này, nhất là vết sẹo, chưa nói là nơi ngón áp út lại đeo đúng chiếc nhẫn mặt ngọc chạm nổi chữ Thọ này nữa! Vậy nghĩa làm sao?

Linh cảm thấy chuyện chẳng lành, Lý Quang Đăng đăm lúng túng, nhưng con cáo già trấn tĩnh lại ngay được:

- Ta không biết bàn tay viên tri huyện có sẹo không, có đeo nhẫn không, nhưng khéo e có sự trùng hợp.

- Huynh chớ có nói quanh! Đúng huynh rồi!

- Vĩnh Trác! - Mắt Lý Quang Đăng long lên sòng sọc - Người định hại ta chẳng? Nói cho mà

biết, chớ có cậy nọ kia mà ăn nói càn quấy! Không lẽ ta chặt tay mình lấp vào tay người khác? Hay ngờ ta chính là kẻ kia? Nói thế chớ nó nghe cho!

- Ngờ quá đi chớ! - Vĩnh Trác đứng phắt dậy, đổi cách xưng hô - Đừng có dối ta! Đôi bàn tay này, vết sẹo này, chiếc nhẫn này, lại hôi nách này! Rồi đây có kẻ sẽ mất đầu! Dám to gan lừa đảo cả đức Hoàng đế! Hừ! Ghê thay!

Y đi quanh phòng một lúc, rồi quay lại chỉ tay vào mặt đối phương:

- Tại sao mặt mũi tái mét ra làm vậy? Tại sao? Đích thị ông là người hôm nọ! - Vĩnh Trác giận dữ nói oang oang trong khi Lý Quang Đăng mồ hôi vã ra đầm đìa, toàn thân run như sậy gặp gió - Ta chỉ ngạc nhiên là bằng ma thuật gì mà thay được mặt, biến hóa còn tài hơn cả Tề Thiên Đại Thánh!

Lý Quang Đăng há mồm ra. Đã đến nước này thì không còn cách nào hơn ngoài việc phải thú thật, rồi tương kế tựu kế sau, chứ con sâu rọu này thế nào nó cũng sẽ đi rêu rao khắp. Đến lúc đó thì còn nước chui xuống đất. Lúng túng mất một lúc, Lý Quang Đăng mới cất giọng tắc nghẽn nói:

- Chú em ơi! - Lý Quang Đăng van lơn - Huỳnh đó mà. Chính ta là... hần, chính hần là... ta!

- Hừ! Ta là hần, hần là ta? - Vĩnh Trác lùi lại một bước, trở lại ngôi thứ cũ mà xưng hô - Cụ thể ra sao? Đệ này sống để dạ, chết mang theo, tuyệt nhiên không bao giờ hờ môi răng lạnh.

- Chú đã thật lòng đến thế, thì ta cũng chẳng giấu diếm làm chi. Mong chú quân tử nhất ngôn.

Lý Quang Đăng khóa trái cửa lại, rồi quay vào, đi về mé tường, đẩy tay mở một cánh cửa nhỏ được ngụy trang bởi một bức họa xưa nay không ai biết. Rồi y chui vào, hần bên trong có một căn phòng. Cánh cửa khép lại ngay. Trong phòng lập lòe mấy tia chớp xanh lét, mùi trầm kỳ thoang thoảng. Lúc sau, Lý Quang Đăng bước ra, mang theo khuôn mặt của Hồ Tôn Hiến.

- Đây mới chính là mặt thật của ta! Nhìn kỹ đi. Có đúng khuôn mặt hôm vẽ mẫu không?

Lý Quang Đăng chễm chệ ngồi vô ghế, nặng nề cất cái mặt lên khiến Vĩnh Trác suýt bật lên thành lời "Ồi, Hồ Tôn Hiến". Y nhìn chằm chằm con người kỳ quái ấy một khắc, rồi tiến lại hỏi nhỏ:

- Rứa... rứa... cái mặt?...

- Đệ hỏi cái mặt lâu nay ta vẫn mang chứ gì?

- Phải, một khuôn diện nho nhã, hiền hậu, mặt của một bậc chính nhân trung quân ái quốc.

- Khớ khớ khớ! - Lý Quang Đăng cười rất to - Nó đây.

Lý Quang Đăng lôi trong túi ra một chiếc mặt nạ đang co giật, Vĩnh Trác chưa kịp nhìn kỹ thì bỗng có tiếng động bên ngoài cửa sổ, Lý Quang Đăng nhanh chóng vớ chiếc mặt nạ chạy tọt vào mật phòng. Lại có ánh chớp lóe sáng xanh lét, rồi đó, y bước ra, mang theo khuôn mặt phúc đức bốn chục năm qua giúp y thăng quan tiến chức!

- Rõ rồi! - Họa sĩ Vĩnh Trác đập bàn đứng lên - Mọi chuyện đã như ban ngày. Nghe đây! Ba

đêm ta mất ngủ, ba ngày ta không ăn chỉ chờ có một lúc này. Ta phải hỏi tội người, kẻ khoác mặt nạ giả nhân giả nghĩa, lừa dân phản quốc. Người nói đi. Bàn dân thiên hạ hết lời ca tụng công đức người, coi người thuộc hàng “Tặc úy như thần, dân thân như phụ” nhưng có phải chính người là kẻ chủ mưu cầu hòa ngoại bang không? Có phải chính người là kẻ xúi giục cắt đất cho giặc không? Chính người là kẻ núp đằng sau bọn cố hủ dâng sớ chém đầu những nhà cách tân muốn nước Nam mở cửa noi gương các nước Nhật Bản, Hương Cảng chứ còn ai! Chính người đã góp phần làm nên cái chết của Tổng đốc Hà thành Hoàng Diệu chứ còn ai! - Vĩnh Trác càng nói càng hăng - Dân tình ngày càng khốn đốn, trộm cắp như rươi, hết nạn giặc Cờ Vàng, Cờ Trắng, lại nạn vỡ đê Sông Hồng, thuế má ngạt nghèo... trong lúc ở triều đình, các người chỉ lo thoán quyền đoạt vị. Tội người cả đó. Giúp rập nhà vua, hay núp mặt nạ thao túng mọi chuyện để cầu vinh?... Thay mặt sự quang minh chính đại, ta tới đây để hỏi tội người! Giờ ta phải gọi quân cấm vệ nơi nào?

Lý Quang Đăng cúi gục, nghe đầy tai, rồi thói tự ái của người đầy quyền uy, xảo quyết trở dậy, y ngừng mặt, đấm tay vào ngực:

- Chính ta! chính ta đây! Ta làm thấy mọi việc cũng chỉ vì Hoàng thượng và sự bền vững của nhà Nguyễn mà người là tôn thất! Đồ vong tộc, tội người đáng xử tử. Hừ! - Lý Quang Đăng phanh áo, vỗ tay vào ngực - Dù chết, ta cũng chỉ chết dưới lưỡi gươm báu của Hoàng thượng. Nhưng nếu ta chết,... khờ khờ... phải, nếu ta chết, thì lấy ai bày trò đưa nhà vua năm ngày đi săn một lần, một tháng một cuộc bình thơ, mười hôm một chuyến ngự thuyền rồng nghe đàn địch trên dòng sông Hương - Không cần vô mật phòng dùng tà thuật, Lý Quang Đăng xé toạc cái mặt nạ một cách giận dữ, máu me chảy ròng ròng trên khuôn mặt đen thui như khuôn mặt quỷ - Mặt ta đây! Coi kỹ lại đi. Mặt Hồ Tôn Hiến đây! Chỉ những kẻ ngu mới nghĩ đời không còn Hồ Tôn Hiến! Ta nói cho mà biết, thiên hạ đeo mặt nạ cả lượt, ai dám phơi cái mặt cha sinh mẹ đẻ ra đâu! Trừ độc nhà người. Mà cái mặt người đẹp nhỉ! Mang cái mặt ấy, hèn chi suốt đời chỉ bạn bấy toàn giống vô loài!...

Mùi máu cộng với mùi hôi nách của quan lớn họ Lý khiến Vĩnh Trác nôn nao. Y tự trấn an bằng cách dốc sạch chai rượu, ném vỏ chai vào góc phòng rồi phui đít ra về, tới cửa, quay đầu, ném lại một câu:

- Mang mau mặt nạ vô kéo mặt trời lên cao rồi đó. Tháo ruột gan ra như rứa là đủ. Cứ yên tâm mà sống nốt quãng đời còn lại của một con hồ ly tinh đi, không ai thèm ném vô lửa mô. Thế đó, hơi huynh ông vô cùng tôn quý ạ!

Ba ngày sau, lúc đó đang buổi chợ đông, dân chúng kéo đến vây quanh một khúc hào ngập nước ngoài thành, gần sát cửa nam. Người ta xúm đông xúm đở lại làm gì vậy? Xem hái hoa súng hay xem trẻ con bơi lội? Không phải. Xem vớt một cái xác chết. Lúc vớt lên không ai nhận ra đó là ai, chỉ thấy trên lưng cắm phập một lưỡi dao và trong cái túi nhỏ đeo bên hông, có một be rượu và một cuốn sách, đó là cuốn Kim Vân Kiều Truyện của thi hào Nguyễn Du!

Phụ đính:

Kể chuyện chiến trường

Đến ga Tam Lu thì hành khách nhận được thông báo tàu phải dừng lại chờ sửa chữa một đoạn đường phía trước do cơn lũ quét bất ngờ hồi ba giờ sáng đã bóc mất. Tam Lu là cái ga xép giữa rừng với bóng núi xanh mờ pha đầy không gian và sự vắng lặng cùng tiếng chim bìm bịp chỉ chờ các chuyến tàu vút qua là tức khắc ập về, kéo mọi thứ trở lại thời hoang sơ.

Đoạn đường bị hỏng đang được chữa chạy tích cực, tuy thế theo nhà tàu thì khả năng đi được ngay là khó. Vậy nghĩa là phải chờ mất một buổi hoặc lâu hơn. Hành khách lục đục đồ xuống sân ga, mấy dãy quán hàng lơ thơ phút chốc trở nên quá tải, những tàng cây lúp xúp đây đó cũng nhanh chóng bị chiếm lĩnh. Một số hành khách tìm đến mấy nơi xa hơn ngồi uống nước hoặc ngả lưng trên thảm cỏ.

Lần đầu tôi tới đây, không thể ngồi một chỗ mà trừu khu nội ga buồn tẻ ra thì ngoài bờ suối kia, rặng núi cao ngất trước mặt kia cũng đáng được để mắt đến lắm. Tôi đi quanh ngót một giờ đồng hồ với đôi ống quần bám đầy bông cỏ may rồi quay lại tìm mấy đứa bạn. Là sinh viên mới ra trường đi nhận công tác, chúng tôi mang theo chuyến đi nhiều đam mê, háo hức, cái gì cũng muốn tìm hiểu và cái gì cũng dễ đặt ra câu hỏi.

Dưới mái hiên một ngôi nhà nhỏ, mấy thằng bạn tôi đang ngồi vây lấy một ông già. Tôi nhận ra ngay ông cụ đi cùng toa với chúng tôi, khoảng sáu lăm tuổi, vóc người nhỏ nhắn và đặc biệt hay chuyện. Cụ lên tàu cách đây một ga, mới đi với chúng tôi một độ đường thế mà cụ đã hỏi khắp lượt mấy đứa, thậm chí còn nói tính nết ai ra sao, ai tương lai có cơ làm to... Cụ vô tư kể về gia cảnh mình, rồi làng cụ có bao nhiêu thương binh, bao nhiêu liệt sĩ, lại cả chuyện vừa qua có mấy tay phá rừng vừa bị tóm... Còn chuyện đi này của cụ rất quan trọng, là đi làm chứng cho phiên xử một vụ tranh chấp tài sản đầy ngang trái, kẻ có quyền cậy thế làm càn, coi thường phép nước và đạo lý; chuyện này cụ phải ra tay...

Ông cụ đang kể một câu chuyện cho đám bạn tôi nghe. Tôi đặt dép ngồi xuống một bên. À, chuyện đánh giặc thời chống Mỹ cứu nước. Do đâu mà có tiết mục “kể chuyện đêm khuya” vào giờ chính Ngọ này thì không rõ. Có thể vì một lý do rất tình cờ: một cánh chim lạc gió bay ngang qua khiến người lính già nhớ lại một kỷ niệm nào đó, cũng có thể từ những bàn luận về chuyến tàu tắc nghẽn dẫn sang một tình huống bất trắc, trái khoáy thường xảy ra trong chiến tranh...

- Đến lúc trời sáng toét ra mới biết phía trước cửa mở, cạnh một ụ đất là một ổ súng máy được chúng bố trí rất khéo - cụ già tiếp tục câu chuyện - Ụ súng bị che khuất bởi túm cây mua, nòng chỉ nhô lên miệng hầm, lúc tối trời chỉ thấy nó khạc lửa nhưng chịu không biết nó nằm nơi nào. Con “chó lửa” giấu mặt này đã kim bước tiến của quân ta, cả một đại đội tăng cường lọt vào cửa đồn rồi đành phải nằm rạp chờ đợi.

Trước tình hình ấy, bố quyết định không quay trở lại xin chỉ thị của đại đội trưởng nữa, mà lui về giật khẩu B40 trong tay một cậu đang ép mình dưới giao thông hào, rồi bò lên, đưa cái tổ súng máy chết tiệt kia vào vòng ngắm, bình tĩnh bóp cò. Một tiếng nổ đĩnh tai kèm theo quầng lửa sáng rực, thế là đi đời quân chó má! Quân ta ào ào tiến lên. Bố bị ù tai bởi tiếng đạn chống tăng, không còn nghe gì nữa, cứ trưng mắt nhìn theo ánh chớp và theo mọi người mà lao tới!...

Sau trận ấy, rút kinh nghiệm mới thấy là tổ trình sát trong khi nắm địa hình đã bỏ sót một hỏa điểm ngay hướng tiến chính diện của quân ta khiến gây thương vong ngoài dự kiến và trận đánh phải kéo dài. Trong tác chiến đây là điều tối kỵ, binh thư xưa kia cũng nói nhiều về chuyện này... Trận ấy bố được tiểu đoàn, rồi trung đoàn khen, lại còn được đi dự một hội nghị cấp quân đoàn báo cáo kinh nghiệm chủ động xử lý tình huống, tạo thời cơ cho đơn vị đánh thẳng giòn giã...

Phải nói ông cụ có khiếu kể chuyện. Cụ kể rành mạch, lớp lang đầu đó, giọng lúc lên bổng lúc xuống trầm cộng với điệu bộ của đôi tay khiến câu chuyện không mấy lạ lẫm gì nữa vẫn lôi cuốn người nghe. Chúng tôi gọi một chút rượu từ mái quán. Rượu trắng trong veo, chỉ cần khẽ lắc là bọt trào lên. Cụ già nhấp một ngụm nhỏ rượu, dừng lại, đôi môi đung đậy. Đó là cung cách của các ông già sành rượu ở các làng quê. Biết đích thị là rượu ngon, cụ mới ngửa cổ nốc cạn trong rừng rực chất men lan tỏa. Chúng tôi đề nghị cụ kể tiếp bởi thời gian xem ra còn dài.

- Bố kể những gì rồi các chú? - Cụ già đặt chén xuống đất, khà một cái rõ to.
- Bố kể ba trận đánh. Trận Mậu Thân tại Huế, rồi trận nào đó ở Tây nguyên mà ta phải nhịn ăn, chia khẩu phần ít ỏi cho tù binh, rồi trận bố bắn B40 tiêu diệt một ô súng máy của địch ở làng Vây.
- Ờ, có một chuyện nhỏ là trong trận đánh vào Huế năm Mậu Thân, lính ta chẳng hiểu vì sao lại lọt vào một tiệm kim hoàn vô chủ. Có mấy cậu tham, giắt vàng vô lưng như nhặt khoai. Bố liền trừng mắt: “Được vàng là chết! Ông cha dạy rồi, nghe chưa, đừng ngu! Chiến tranh đang dài, phải giữ mạng sống mà đánh giặc, chết sao vội. Bỏ xuống hết đi!”. Thế là mấy chú lính non choẹt sợ mất vía, liền kính cẩn đặt dây chuyền, nhẫn ngọc lại chỗ cũ... Thời ấy mà tham thì nay bố cũng giàu to. Khờ khờ khờ!... Mấy giờ rồi, tàu sắp chạy chưa?

- Dạ chưa đâu. Nhà tàu bảo cứ đợi.

- Ờ, thì đợi... Trước chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, ta đánh vào một thị trấn, bố không nhớ tên nữa, chỉ nhớ thuộc tỉnh Savanakhét. Tổ trinh sát của bố được đưa về bản Xà Đon gần kề đó điều tra địa hình ngót hai tháng rông trước khi ta khai hỏa. Trên bố trí bố ở nhà một ông già Lào, là cơ sở tin cậy của ta ngay trong lòng địch. Nhà có cô con gái tên Bun Then. Ngày ngày bố cùng Bun Then cưỡi voi vào thị trấn, tiếng là đi thờ hàng vì trong nhà làm nghề buôn bán lật vặt, thực chất đi quan sát địa hình. Nhờ Bun Then mà bố tự do đi lại nhiều nơi trong vai một anh thanh niên Lào, anh họ Bun Then. Nhờ sắc đẹp và tài ăn nói của mình mà Bun Then nắm được nhiều nơi quan trọng trong thị trấn rồi đem về vẽ lại bản đồ cho ta.

Hai tháng sống cùng gia đình Bun Then, bố có rất nhiều kỷ niệm, nhưng nhớ nhất là một lần vấp phải quân phái hữu lưng rập. Lúc đó giữa trưa, bố đang ngủ ngon giấc trước thềm nhà thì nghe bước chân chạy rầm rập quanh hồi. Vừa choàng mắt đã thấy mấy thằng Lào ngứa léo néo chửi tục rồi leo lên cầu thang. Bố lao ngay vào buồng Bun Then, quên mất tập bản đồ lâu nay thu thập được lúc ngủ đem gối đầu ở ngoài thềm. Thử hình dung xem, nếu tập bản đồ lọt vào tay địch thì cơ sự sẽ ra sao? Nhất định chiến dịch bị lộ và phải dừng lại, cả nhà Bun Then và bố sẽ bị giết, thậm chí cả bản bị san phẳng!

Đến giờ bố vẫn ngạc nhiên về tài trí của người con gái Lào xinh đẹp ấy. Té ra Bun Then đã tinh ý thấy bố để quên tập bản đồ phơi ra trước mắt quân giặc. Không kịp làm gì hơn, Bun Then liền ngồi ngay xuống sàn thềm gỗ lát, xòe tấm váy hoa sặc sỡ trùm lấy tập bản đồ trên 30 trang chi chít hình vẽ! Bun Then cười nói là loi, lại cả gan kéo chúng ngồi xuống bên cạnh. Mấy tên lính biết Bun Then từ lâu, chúng thường qua lại tán tỉnh, nhưng chưa bao giờ được người đẹp ve vuốt, cười cợt, lại còn vít cổ tặng cho mấy cái hôn. Mấy thằng lính được đà sàm sỡ, nấn bóp Bun Then. Cũng may hôm đó ông già ở nhà. Thấy chướng quá, ông già đằng hắng mấy cái rồi rút con dao giắt bên vách cái rột, thế là lũ trâu bò hiểu, đành đứng dậy ra đi. Bun Then giả bộ luyến tiếc hẹn gặp lại khiến chúng mừng rơn, có biết đâu cô nàng đã lừa được bọn chúng để bảo vệ bí mật trận đánh của quân ta, giải phóng quê hương làng, bản.

- Sau rồi thế nào ạ? Bun Then và bố yêu nhau chứ?

Cụ già chun mũi, nhấp thêm chén rượu, rồi chỉ tay lên dãy Trường Sơn:

- Các chú có tin là thỉnh thoảng bố nhìn lên dãy Trường Sơn để nhớ về những ngày tháng không thể nào quên không? Bố đã đi dọc đất nước triệu voi, tham gia nhiều trận đánh; nhưng nhớ nhất là đôi mắt nàng Bun Then, tưởng như trong mắt có lửa. Nhưng bố quyết không làm khổ Bun Then. Sau chiến dịch, bố chia tay Bun Then. Bố biết không có điều kiện để yêu thương nhau, không thể lợi dụng tình cảm Bun Then, mặc dù cô gái Lào chờ anh lính Việt tổ tình, chờ một lần nắm tay buộc chỉ trong ngày tết năm mới Bun Pi May! Mấy lần Bun Then nói rằng Bun Then rất muốn qua Việt Nam để xem biển rộng ra sao. Lúc đó bố mới kể là biển đẹp như nọ, bao la như kia, thật ra là bịa bậy cả chứ bấy giờ bố cũng chỉ biết biển qua bản đồ thôi.

* * *

Sau bão, trời trong nắng vàng và lặng gió, núi rừng nghi ngút bốc hơi từ cơn mưa vừa tạnh. Sân ga dậy mùi ẩm mốc từ những đám lá mục lâu ngày, những mái nhà rêu phủ và quán lá kết bè rác bẩn. Hành khách sốt ruột đi đứng nhộn nhạo, có người trèo lên hỏi tận đầu tàu bao giờ mới thông đường. Sau mấy lần trả lời theo kiểu “có khả năng”, “theo trên cho biết”, “cần cứ tình

hình"... rồi cũng đến lúc có thông báo chính thức đường đã thông, mọi người lên tàu đi tiếp. Chúng tôi lên tàu xem lại hành lý. Câu chuyện chuyển qua đề tài những lần kẹt tàu, con đường ngang tự mở của dân cắt đường ray và những tai họa thảm khốc. Cụ già ngồi im lặng về thuốc hút bên cửa sổ chắn lưới. Chúng tôi mời cụ điếu đót nhưng cụ lắc đầu, nói rằng chỉ quen hút loại thuốc nhà trồng. Cụ lôi trong bọc ra cho chúng tôi xem những ngọn thuốc đuôi lươn bẻ ngang chỉ bằng bản thắt lưng. Chúng tôi im lặng ngồi bên cụ già không quen biết nhưng giờ đây đã trở nên khá gần gũi. Sau khoảng thời gian dài chờ đợi, con tàu đường như cũng hồi hả lao đi. Ga Tam Lu mờ dần sau lớp kính vẫn đục.

- Qua khỏi trắng sim này, đi một lúc nữa là tới ga Tân Lý, bố sẽ xuống đó. Chúng ta sẽ chia tay và chắc khó có dịp gặp lại các chú. Thành ra có câu chuyện này nếu bố không kể cho các chú nghe thì không được.

Chúng tôi tin rằng còn một câu chuyện ly kỳ nào đó nữa trong chiến tranh mà ông già đã trải qua đang gọi lên trong lòng, khiến ông không thể không bộc bạch như một nỗi niềm đau đau phải giải bày.

- Các chú tin những chuyện vừa kể là chuyện của bố chứ gì? Không phải. Bố chưa đi bộ đội bao giờ, suốt đời chỉ là một nông dân quen sống ở làng. Những chuyện ấy là chuyện của người làng, cụ thể là những người lính từ chiến trường trở về. Họ cùng lứa với bố, cũng có cả bọn đàn em. Hiện người đã chết, người sống thì một số đui què, nghễnh ngãng. Toàn bọn đánh giặc giỏi nhưng nói năng vụng về. Có cậu ít mồm ít miệng, vụng điều thừa tiếng nói mà chịu thiệt thòi, giấy tờ thất lạc cả, không biết kêu ai. Có đứa bị địch bắt giam ở Côn Đảo, về làng bị nghi oan là theo Mỹ mà không cách chi thanh minh được, thậm chí đàn bà con gái tử tế không ai thèm lấy. Có anh là dũng sĩ diệt Mỹ nhưng vợ quát một câu là đá ra quần... Các chú mà nghe họ kể về chính cuộc đời họ... nhưng như tờ rối, phải sắp xếp lại mới thành chuyện được. Mà cái làng của bố mấy cha cán bộ cũng không thua đám bộ đội nói trên, thành tích thì nhiều nhưng đến nay vẫn chưa được cấp trên công nhận cái anh hùng lực lượng vũ trang, chỉ vì không biết viết báo cáo!

- Nhưng cháu hỏi thật, bố có bịa thêm không đấy?

- Đòi nào! - Cụ già cười - Giá kể mà ăn tiền thì ta sẽ bịa chơi. Đây chỉ kể chuyện thật người làng ta thôi.

- Chà, thế mà cháu cứ tưởng... Mà bố kể chuyện hay thật, phải công nhận. Nếu được học hành nghiêm chỉnh, ý cháu nói là bố được đào tạo cẩn thận, có khi lại chẳng thành nhà văn.

- Bố là nhà thơ - cụ già cười rung bộ râu cằm lưa thưa - Dân làng gọi bố là nhà thơ, mà thơ bố cũng không xoàng.

Tôi chợt ngẫm lại ở mỗi làng quê ta thường có một ông già hóm hình, vui tính, hay làm thơ đặt vè, đặt lời nói lái, đặt câu đố hoặc hay đố chữ. Đó là những con người tài hoa, tinh tế trong cảm thụ, dí dỏm trong đối đáp và sống hồn nhiên... Cụ già này chính là người như vậy.

Thấy chúng tôi ra chiều có ý muốn biết thêm về cụ, cụ bèn cười nheo đuôi mắt rồi nói:

- Làng bố có bốn xóm Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi xóm có một nét riêng, và bố có thơ như sau:

Xóm Đông là xóm anh hùng

Đi mô quát nấy lung tung làng tàng

Xóm Tây ở bản nhất làng

Xóm Nam sắm chổi quét đường làng đi

Xóm Bắc có thói ngủ khi

Trưa ngày mụ vẫn ôm ghì lấy ông.

Chúng tôi lăn ra cười, tàu vào ga lúc nào không biết.

Mùi tiền

Năm tôi mới về trường tiếng tăm anh đã nổi như cồn. Đó là một nhà giáo bậc thầy, rất tài hoa.

Chúng tôi trưởng thành lên một phần cũng nhờ anh giúp đỡ, ví như anh khuyên: “Trong mỗi bài văn, các cậu gắng tìm cho ra một cái gì đó, dù rất nhỏ nhưng hoàn toàn mới mẻ mà sách giáo khoa, thậm chí giới nghiên cứu văn chương chưa sờ tới”.

Tôi dự giờ nhiều người dạy bài thơ *Thăm lúa* của nhà thơ Trần Hữu Thung nhưng chưa thấy ai như anh: ngoài những nét chung sách vở đã nói, anh còn cho thấy bài thơ là bức tranh đẹp với cận cảnh đặc tả một bông lúa chín vàng đọng sương long lanh nổi lên giữa viễn cảnh đồng quê ban mai; từ đó anh quay sang nói đôi nét về phép vẽ tranh và thế nào là “thi trung hữu họa” khiến mọi người phục lẫn...

Có hôm anh mở đầu bài giảng bằng câu lạ hoắc: “Bài thơ này không hay mong các em cố gắng tiếp thu”, ấy thế rồi anh cũng mang lại cho học sinh một cái gì đó đúng là mới mẻ khiến chúng không đến nỗi chán bài thơ ấy lắm...

Anh làm thơ, vẽ tranh nhưng thơ không gửi đăng báo, tranh cũng chỉ để treo hoặc đem tặng. Tôi cam đoan thơ tình của anh hay hơn nhiều thứ thơ phú vẫn đọc thấy đây đó. Nhiều nữ sinh nay đã thành bà nội bà ngoại vẫn còn lưu thơ anh trong sổ tay, mỗi lần giờ ra lại nhớ ông thầy tài hoa, một nghệ sĩ đứng ngoài sân chơi nghệ thuật.

Một hôm, sau khi phải chứng kiến cảnh mấy cô giáo to tiếng với nhau quanh chuyện tiền nong, anh hỏi chúng tôi:

- Trên đời cái gì bần nhất? - anh bảo tôi đưa ví cho anh. Lôi trong chiếc ví lép kẹp của tôi ra mấy đồng tiền nhàu nát, ném lên bàn, anh hỏi tiếp - Các cậu ngửi thấy mùi gì không nào?

Nắm tiền giã ra từ những đường gấp xiên xẹo lâu ngày và một thứ mùi khắm đặc bốc lên, xộc vào mũi. Thì ra không gì thối bằng tiền!

- Trông này - anh đưa một tờ bạc lên soi qua ánh sáng - tờ bạc màu gì? Màu chiếc cổ áo lâu ngày không giặt, màu cống rãnh, màu lông chuột... Đồng tiền này được ra đời từ một nhà máy, có thể từng được trang trọng đặt lên nơi tôn nghiêm nhưng lại suốt đời bị nhấn chìm trong thế giới người, từng bị nghẹt thở những nơi chốn không ánh sáng, lộn mửa, nó in dấu bao bàn tay, sạch sẽ và bần thiêu, vô tư và tội lỗi, nó mang trong mình hàng lô vi trùng bệnh tật...

Lần nọ, anh lại đổ chúng tôi:

- Vì sao sinh ra cái ví da có dây kéo? Là để cất tiền và để bịt chặt lấy mùi tiền khú khắm, không cho nó bốc ra ngoài. Này, các cậu ngửi với con gái mà để nó ngửi phải mùi tiền, lại tưởng anh này thối tai thì vút!

Tôi giặt mình, từ đó sinh ra hãi tiền, rồi học anh, chỉ giữ lại những đồng tiền mới, thứ đã nhũn ra, đã bốc mùi là tìm cách cho thoát khỏi người không tính toán.

Gần bốn chục tuổi anh mới lấy vợ. Trước đó anh có yêu mấy đám, không nữ sinh cũng cô giáo hoặc cán bộ nhân viên nhà nước. Thế nhưng vợ anh lại là một cô hàng vải, học hành chấp vá, sắc diện cũng thường, chẳng hiểu sao anh mê; hay cái “nửa” đầy chất thơ ở anh đã tìm thấy “nửa” còn lại nơi chợ búa ấy? Nhưng họ rất thương nhau. Và anh vẫn như xưa: ăn mang lịch sự, chải chuốt, vẫn làm thơ và vẽ tranh, vẫn chơi tiền sạch. Vợ anh rất tâm lý, biết tôn trọng những sở thích riêng của chồng; không rõ anh có thấy khó chịu với túi tiền của vợ mà anh vẫn gọi đùa là “túi cần khôn khó ngửi” không?

Thế rồi đời anh bỗng ngoặt sang một lối rẽ đầy chông gai. Đạo đó đâu khoảng cuối những năm 1980; nghe tin nhà thơ V. từ Hà Nội vào, hiện mấy nơi đang mời đọc thơ, anh liền tìm cách liên hệ mời ông về chỗ mình chơi. Nhờ chúng tôi dạy thay, anh đưa V. đi đọc thơ ở một số cơ quan, đơn vị liền mấy ngày.

Nhà thơ V. vốn có chất giọng “quảng trường”; cứ đọc thơ một lúc, lại dốc cạn một ly rượu tằm, rồi sang sáng đọc tiếp như thể nhập đồng. Hội trường lúc càng đông, người ta bầu cả lên cửa sổ để nghe thơ; còn trẻ con thì lân la từ xa đến gần cuối cùng ngồi vây lấy chân bực gỗ, có đứa còn cả gan vượt rào nhà thơ bởi ông nuôi một bộ râu lồm đồm bạc và dài như râu Quan Công. Đó là một nhà thơ cao niên, khá nổi tiếng nhờ tài năng và những lận đận do “tai nạn nghề nghiệp”.

Ông từng bị ghép vào nhóm Nhân Văn, phải đi cải tạo lao động ở các công, nông trường, phải in thơ bằng nhiều bút danh khác nhau để sống... Đến thời đổi mới, ông được chiêu tuyết, được trả lại mọi giá trị nhưng nhiều người vẫn nheo mắt cảnh giác nhìn ông. Thế nên việc ông đi đây đó nói chuyện, đọc thơ đã thành ra “vấn đề”; và những ai gần gũi, chơi bời hoặc đưa đón, giới thiệu ông trước đám đông đều bị “có ý kiến”!

Sau khi nhà thơ V. rời khỏi địa phương, anh bị cấp trên gọi lên làm bản tự kiểm. Hai ngày ngồi trước trang giấy trắng, đốt hết bốn gói thuốc, anh chẳng biết viết gì. Một đời ta chẳng lừa ai, làm sao giờ đây lại phải tự dối mình? Anh gãi đầu gãi mũi ngồi nhìn khói thuốc bay vẩn vèo. Thế là khuyết điểm càng nặng bởi chẳng những đã làm chuyện sai trái, lại không chịu thành khẩn nhận lỗi.

Để tỏ sự nghiêm minh, người ta giáng cho anh một cái quyết định tóa lửa: hạ một bậc lương, đình chỉ giảng dạy, chuyển việc khác! Trường chuyển anh xuống bộ phận thư viện; theo phân công của bà thủ thư, từ đó ngày ngày anh chui vào kho sách cũ sắp xếp lại “nền văn hóa nhân loại” bị bỏ quên, đầy bụi. Nhiều khi anh ngồi hàng giờ trong xó, một mình đọc lại vài trang sách cũ, lòng chạnh thương bao số phận bị dập vùi...

Được nửa năm, nhân có chủ trương tinh giản biên chế thế là anh xin nghỉ theo chế độ “về một cục”. Ai cũng khuyên chịu khó đợi ngày trở lại bực giảng, nhưng anh không nghe. Con người quen khinh bạc mọi nhò nhen, thấp hèn ấy làm sao chịu theo lẽ thói? Anh gọi chúng tôi tới nhà, ôm ra cả chồng to giáo án, những sáng kiến kinh nghiệm, những tham luận tại các hội nghị chuyên môn từ bộ tới sở, bảo “các em mang về mà dùng kéo phỉ”. Từ đó, anh chia tay luôn với thú làm thơ, vẽ tranh, ngày ngày chờ hàng ra chợ giúp vợ.

Nhiều hôm tôi thấy anh ngồi rất lâu ở một góc khuất trong quán cà phê đầu phố nhìn thiên hạ tấp tể ngược xuôi. Bấy giờ quê tôi rộn ràng không khí xây nhà máyximăng, nhà máy đường, phố huyện đông nghẹt người qua lại, xe cộ chạy mù trời, chợ huyện phải mở ra tận bờ sông. Nhiều người bung ra làm ăn táo bạo. Thế là vợ chồng anh cũng làm một cuộc đổi thay, chúng tôi trông mà hoảng.

Quầy vải của chị Nga chiếm cả một vùng trung tâm chợ huyện; ấy mà họ ùng ùng gọi người tới sang tên, thu nợ nần, dồn vốn liếng mở một cửa hàng thịt dê sát bờ sông, trước mặt là ngã tư, sau lưng là lối vào cổng chính của chợ. Anh là người nảy ra ý tưởng, nhưng phải nhận chị là con người vô cùng chịu khó, giàu bản lĩnh. Chị đi khắp nơi học hỏi, tìm hiểu, giải quyết mọi thủ tục khá nhiều khê, eo sèo rồi thuê thầy thợ, mượn người làm. Hôm anh chị khai trương nhà hàng, chúng tôi có được mời nhưng không dám tới, chỉ gửi hoa chúc mừng.

Nghe đồn hàng đông khách. Vậy là ông giáo dạy văn nổi tiếng tài hoa thành gã đồ tể rồi chăng? Bàn tay cầm tiền sạch xưa nay giờ nhuốm mùi cái cổ áo lâu ngày không giặt rồi chăng?

Do hoàn cảnh, tôi theo gia đình vào Nam dạy học. Chẳng dính líu gì vụ nhà thơ V., nhưng từ hồi anh vấp ngã, tôi cũng đâm chán, và cuộc ra đi đã nhẹ nhàng để lại không ít vương bận với cố hương biết bao gắn bó.

Tôi ít về quê, có về cũng không ở lại lâu, nên trên chục năm rồi chưa gặp anh. Dẫu vậy mọi tin tức nơi anh tôi vẫn biết. Anh đã xây được nhà lầu, con gái đầu lòng đang du học bằng tiền túi ở Úc... Con người ấy đã đổi thay hoàn toàn, tháng ngày chí thú làm ăn, ví tiền dày cộp nhét căng túi quần. Mừng cho anh, tuy trong thâm tâm tôi vẫn thấy có gì như mất mát. Thật tiếc, giá không có cái “vụ” không đâu kia... Mà thôi, đổi thay là lẽ thường, thậm chí anh còn có quyền sung sướng bởi đã ngoi lên từ trong bèo dạt mây trôi, trong họa đã tìm thấy phúc.

Lần về quê này tôi đến thăm anh. Tôi rủ mấy người bạn cũ đi cùng. Anh béo hẳn ra, tóc muối tiêu, một hàng ria đậm trên môi. Bàn tay anh xưa gầy guộc, trắng trẻo, nay tròn trịa. Uống cạn chén nước, anh đưa chúng tôi ra nhà hàng, gọi là để cho biết. Chúng tôi chen bước theo anh vào nhà hàng càng về chiều càng đông; lúc lúc anh lại phải dừng chân bắt tay, cười nói với khách quen; xưa giọng anh nhỏ nhẹ, giờ bễ ra, lại khá thành thạo tiếng lóng của dân ăn nhậu.

Bao quanh là một không gian nhuốm màu đời thường bụi bặm với mái lá, cột kèo ám khói, những bộ bàn ghế xỉn đen, mùi xào nấu bốc lên từ gian bếp lửa cháy rùng rục và bày em gái bụng bê vào ra khó tránh khỏi những cú véo má, quệt miệng của đám thực khách mồm lảng mớ. Anh dẫn chúng tôi vào biệt phòng dành cho người ưa yên tĩnh. Chỉ một loáng, trên bàn đã đầy ụ các món dê tái, nướng, lẩu, nhúng, bánh đa, rau mùi, ớt quả, tỏi nhánh, gừng, sả, nước chấm, mắm tôm, rượu tiết dê màu hồng ngọc...

Anh thông thả kể chuyện làm ăn. Sở dĩ hàng anh ăn đứt thiên hạ chỉ nhờ một món là món nước chấm. Hai năm đầu làm ăn xập xệ, tưởng phải dẹp tiệm. Thế rồi vợ chồng làm một chuyến ra Bắc, vô Nam học hỏi, đi sâu vào “chuyên ngành” nước chấm, từ đó chế ra sản phẩm riêng của mình, không ai biết bí mật tay nghề, không thể cạnh tranh nổi.

Theo anh, chị Nga là một tài năng làm ăn, một nhà ngoại giao và là người vợ đảm đang... Còn nhớ hồi anh mới tìm hiểu chị, trong trường nhiều người thấy lạ, bởi hai bên như sống dưới hai trời. Anh biết xung quanh nghĩ gì và thời gian đã trả lời giùm anh. Riêng tôi có lẽ do ở xa, giờ anh mới có dịp hé mở để tôi hiểu rõ ngọn ngành.

- Cậu chưa biết mình lập gia đình trong hoàn cảnh nào nhỉ? - anh hỏi tôi, rồi trả lời luôn theo thói quen - Đúng là đời bắt nguồn từ những hoàn cảnh không ngờ tới. Một hôm ra chợ, tình cờ nom thấy một cô nàng ngồi trong quày vải với mái tóc dày trùm kín đôi vai, tràn xuống ngực khiến mình chợt nhớ tới một người đàn bà trong tranh của nhà danh họa Leonard de Vinci, nàng La Joconde, người đẹp mình hằng tôn thờ. Mọi chuyện bắt đầu từ đó.

Từ gian bếp chị Nga xuất hiện sau câu nói của anh như trong một kịch bản. Đó là một phụ nữ khỏe mạnh, uyển chuyển, đầy nữ tính; đặc biệt mái tóc dày như mây, hẳn khéo chiều chồng nên lúc nào cũng rẽ đôi từ một đường ngôi thẳng tắp, thả rơi đầy vai tràn xuống khuôn ngực rậm nắng, sung mãn. Chị tươi cười bước tới, kéo ghế ngồi vào, chọn gấp thức ăn lên bát cho mọi người, hỏi han tỉ mỉ chúng tôi. Chúng tôi khen món ăn ngon, khách ăn đông; thế là chị

chuyển mọi chiến công sang cho anh. Quả thực, tôi chưa thấy đôi vợ chồng nào hồn nhiên đến vậy. Họ nói về nhau thật lòng, vô tư, không khoác lác, cũng chẳng cần khiêm tốn vờ vịt.

Không khí cuộc vui xui tôi hỏi chị một câu không phải không đúng lúc:

- Xa anh chị mười mấy năm rồi, chẳng bao lâu nữa chị cũng sẽ lên chức bà rồi, vậy cho em hỏi câu này: thuở ấy anh chỉ là một nhà giáo, giỏi giang đấy nhưng rất nghèo; vậy chị chấp nhận anh bởi mền tài anh chẳng?

Chị Nga lại cười, rồi trả lời, giọng tỉnh rụi:

- Tôi nghe thiên hạ đồn đó là một ông thầy kỳ mùi tiền là thứ mà tôi thấy rất thơm. Thế là tôi quyết định phải cải tạo cái mũi giúp ông ấy, bởi nếu để lâu nhất định ông thầy của các chú sẽ tịt mất lỗ thở!

Chúng tôi lăn ra cười trong khi chị dốc cạn chén rượu, giờ cao cái chén không lên trời lắc lắc rất sành điệu, rồi đứng dậy:

- Anh em cứ uống thoải mái. Tôi bận hai bốn trên hai bốn. Cho tôi xin phép.

Câu đùa của chị đã vô tình khơi ra điều không ai muốn đụng tới lúc này. Chúng tôi đâu dám nhắc tâm nhắc chuyện xưa như chạm vào vết thương lòng của anh khi anh đã bỏ lại đằng sau tất cả, đã tự nguyện chung sống với đồng tiền và hân mùi tiền cũng không còn làm anh khó chịu nữa! Chẳng biết anh có hiểu cho chúng tôi không, bởi việc gì phải ngạc nhiên trước mọi biến cố. Chính thời gian cũng đã giúp tôi bao bài học đích đáng nếu không muốn bị gạt sang bên lề đời. Sống giữa đất Sài Gòn, tại sao tôi không chịu hiểu tiền là gì?

Bốn thầy trò ngồi lặng giữa náo động ồn ào cùng mùi khói, mùi thịt, mùi người khi đã no nê đến ợ ra. Cục yết hầu khá to nơi cổ anh lượn xuống lượn lên trong khi anh dùng ngón tay chấm vào ly nước vẽ lung tung lên mặt bàn. Tôi chợt nghĩ, tận trong thăm sâu, hình như anh vẫn lạc lõng với cái thế giới này! Lúc sau, anh ngẩng lên nhìn ra ngoài trời, giọng xa xăm:

- Ôi! Cái thời vô tư lự! Ta khinh bạc hết thầy, trừ cái đẹp. Ta sợ mùi tiền như sợ mùi xác chết. Nhưng mà... thật oan cho tờ bạc rách! Sạch hay bẩn đâu phải ở tiền, mà ở cách kiếm tiền và cách sử dụng tiền mà thôi! - anh mỉm cười, lắc đầu - Tivi vừa đưa tin vị quan tham nọ bị khám nhà, tủ nhà ông có một khối tiền giấy polime mới tinh, nhưng xin lỗi, nó rất nặng mùi. Còn chẳng giấu gì mấy em, anh chị cũng có tiền nhưng không mua bất động sản, chỉ dành cho các cháu học hành...

Anh khoát tay một vòng quanh đám thực khách vào ra, nói tiếp:

- Anh chị phải lăn lộn ngày đêm để kiếm tiền, nhưng bảo đảm chỉ “chơi tiền sạch”, kiểu “sạch” như đã nói. Bà ấy bảo “mùi tiền thơm” là nói theo nghĩa lành mạnh hoàn toàn. Đó chính là cái giúp anh chị thương nhau lâu bền, con cái và hàng xóm mền phục. Nhưng ở đời cái gì lại không có giá; giữ được mình trong môi trường khói bụi thật chẳng khác gì đi xiếc trên dây... Nào, uống đi các em!

Chúng tôi ngồi tàn chiều nghe anh nhắc lại bao kỷ niệm, từ những ngày đánh Mỹ gian nan tới thời hòa bình vui tươi nhưng bữa ăn vẫn khoai sắn cồng cọt. Anh chưa quên thời trai huy hoàng chỉ tiếc là rơi vào cực đoan. Nhưng... chớ đòi hỏi nhiều ở con người!

Trước lúc chia tay, tôi nói với anh là nhà thơ V. đã mất hồi đầu năm.

- Vậy à? - Anh nói với giọng tiếc thương rồi bất chợt gõ bát ngâm nga: “Kiều rằng những đấng tài... hoa... ư... hừ... thác là thể phách... ư... còn là tinh... ư... anh... ư... hừ... hừ... ư... ừ!...”.